

Bản án số: 38/2022/DS-ST

Ngày: 02-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản  
và bồi thường thiệt ngoài hợp đồng do sức  
khỏe bị xâm phạm

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: ấp G, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1938. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT (đã chết).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2022, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, trình bày: Ông và chị Q không có quan hệ bà con, do ông làm lúa gần nhà chị Q nên quen biết nhau. Thấy chị Q nghèo khổ, bán vé số nên có cho chị Q mượn vàng, tiền, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào ngày 15, không nhớ tháng, năm 2020 chị Q mượn 02 chỉ vàng 24kra, vàng nhẫn nhưng ông không đưa vàng mà đưa tiền là 10.500.000đ, thỏa thuận đóng lãi hàng tháng 160.000đ, việc cho vay tiền không làm biên nhận, có ông T không biết họ tên, năm sinh ở ấp 2, xã 1 trực tiếp nhìn thấy ông đưa tiền cho chị Q mượn tại nhà ông T;

Lần thứ 2: Do chị Q không lấy vé số của ông Bảy D, không biết họ tên, năm sinh đầy đủ nhà ở ấp 2, xã 1 bán được, vì chị Q bán cần tiền nên mượn ông hỏi (vay) vàng bà Sáu H họ tên là Lê Thị Đ, sinh năm 1956 ở ấp 1, xã 1. Ông là người trực tiếp vay 03 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn của bà Sáu H để đưa cho chị Q vào ngày 13, không nhớ tháng, năm 2020;

Lần thứ 3: Vào ngày 17, không nhớ tháng, năm 2020 thì chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 05 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn.

Lần thứ 4: Vào ngày 20, không nhớ tháng, năm 2020 thì chị Q cũng nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 05 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q vay để cất nhà cầu và sửa nhà bếp;

Lần thứ 5: Ngày 19, không nhớ tháng, năm 2020 thì chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 07 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn để chị Q làm đám hỏi cho con trai chị Q nhưng ông không biết họ tên đầy đủ của con chị Q;

Lần thứ 6: Ngày 13, không nhớ tháng, năm 2020 thì chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 05 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn để chị Q vô hụi và cho vay lại;

Lần thứ 7: Ngày 13, không nhớ tháng, năm 2020 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 01 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q để chị Q sửa máy may để may đồ và mua đồ về may bán;

Lần thứ 8: Ngày 18, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 02 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q để chị Q mua đồ về bán;

Lần thứ 9: Ngày 24, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 02 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q để chị Q mua đồ về bán;

Lần thứ 10: Ngày 17, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 06 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn, chị Q nói thiếu nợ người ta, đóng lãi nhiều quá nên nhờ ông vay vàng dùm để chị Q trả nợ;

Lần thứ 11: Ngày 18, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 01 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q, chị Q nói dịch bệnh, làm không được nên nhờ ông vay;

Lần thứ 12: Ngày 11, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 03 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q để chị Q đóng chiếc xe đẩy mua bán. Tại phiên tòa ông Đ trình bày chị Q nói làm công chuyện.

Lần thứ 13: Ngày 19, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 02 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q, chị Q nói thiếu thốn, lấy đồ về mua bán. Tại phiên tòa ông Đ khai chị Q vay vàng không biết làm gì.

Lần thứ 14: Ngày 11, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Sáu H 02 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q, chị Q nói mua bán lỗ lã nên nhờ ông vay dùm. Tại phiên tòa ông Đ khai chị Q vay vàng không biết làm gì.

Lần thứ 15: Ngày 18, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963 là vợ của ông 03 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q, để chị Q xoay sở. Tại phiên tòa ông Đ khai chị Q vay vàng không biết làm gì.

Lần thứ 16: Ngày 15, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) chị T, không biết họ tên năm sinh đầy đủ ở ấp 2, xã 1, vay 01 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q, để chị Q đóng lời cho người khác. Tại phiên tòa ông Đ khai chị Q vay vàng không biết làm gì.

Lần thứ 17: Ngày 15, không nhớ tháng, năm 2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) chị T 01 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q để chị Q đóng lãi cho người ta. Tại phiên tòa ông Đ khai chị Q vay vàng không biết làm gì.

Lần thứ 18: Ngày 05/12/2021 chị Q nhờ ông hỏi (vay) chị T 01 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn cho chị Q để chị Q mua đồ cho con trai chị Q. Tại phiên tòa ông Đ khai chị Q vay vàng không biết làm gì.

Tất cả các lần chị Q vay vàng là vàng 9T8, lãi suất thỏa thuận 80.000đ/01 chỉ, không hẹn ngày trả nợ gốc, không nhớ chị Q đóng lãi được bao nhiêu tiền, mỗi lần đóng lãi là 4.000.000đ/52 chỉ, chị Q đóng lãi đến tháng 12 năm 2021 âm lịch thì không còn đóng lãi nữa, các lần ông đưa vàng cho chị Q vay cũng như chị Q đóng tiền lãi cho ông thì không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến. Nhưng ngày 13/11/2021 tại nhà ông T, thì có mặt ông, chị Q, ông T thì ông hỏi chị Q “tiền lời người ta sao” thì chị Q trả lời với ông “tới tháng tôi ra, tôi gửi tiền chú ba đóng cho ông”. Nghĩa là gửi tiền lãi cho ông T để đóng lãi cho ông.

Lần thứ 19: Ngày 19/12/2021 chị Q nhờ ông vay anh L, không biết họ tên, năm sinh đầy đủ 15.000.000đ để chị Q tổ chức đám cưới cho con trai, thỏa thuận 10

ngày sau trả, chị Q đóng lãi 300.000đ/01 tháng. Ngày 29/12/2021 chị Q đã trả số tiền vay này dứt, sau đó chị Q nhờ ông vay lại 4.000.000đ để chị Q đóng lãi cho người ta, thỏa thuận 40.000đ/01 triệu, nhưng từ khi vay cho đến nay chị Q không đóng lãi cho ông lần nào, lúc ông đưa tiền cho chị Q không có làm giấy tờ, không ai nhìn thấy.

Các lần chị Q vay vàng, tiền là chị Q kêu ông đi hỏi (vay) dùm chị Q. Ông là người trực tiếp đi vay vàng, tiền của bà Sáu H, chị T, anh L, bà Đ rồi trực tiếp giao vàng, tiền lại cho chị Q, chị Q không có trực tiếp hỏi vàng hay đóng tiền lãi cho cho bà Sáu H, chị T, anh L, bà Đ, tới tháng chị Q đưa tiền lời cho ông, rồi ông đi đóng lời cho những người ông đã hỏi vay. Việc vay tiền, vàng không có thể chấp tài sản. Nguyên nhân chị Q không trực tiếp hỏi vay vàng, tiền của bà Đ, bà Sáu H, anh L, chị T là do chị Q hỏi người ta không cho vay. Ông không có quan hệ tình cảm với chị Q, không có đi nhà trọ hay nhà nghỉ để quan hệ nam nữ với chị Q, cũng không có hứa cho chị Q tiền. Tại phiên tòa ông Đ trình bày có đi nhà nghỉ 555 với chị Q được 2-3 lần, mỗi lần quan hệ nam nữ xong thì ông cho chị Q 500.000đ.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trước đây có đến Tòa án làm chứng về việc có nghe chị Q hứa tới tháng đóng tiền lãi cho ông thì ông T đã chết, do bị tai nạn giao thông, còn những người mà ông trình bày là cho ông vay vàng rồi ông cho chị Q vay lại thì họ chỉ biết ông vay, mượn vàng của họ, không có biết việc ông cho chị Q vay, mượn vàng cũng như chị Q đóng tiền lời cho ông.

Tổng cộng ông cho chị Q vay 52 chỉ vàng 24kra, loại vàng nhẫn 9T8 và 4.000.000đ. Nay ông yêu cầu chị Q trả cho ông 52 chỉ vàng 24kra (vàng 9T8), không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chị Q trả 4.000.000đ, thống nhất cho chị Q 4.000.000đ mà ông đã vay của anh L cho chị Q mượn. Ngoài ra, không yêu cầu nào khác.

Do chị Q nhờ ông vay vàng để lo cho gia đình và làm ăn, nợ ông tổng cộng 52 chỉ vàng 24kra, tới tháng đóng lời (tiền lãi), chị Q không đóng tiền lời, ông gọi điện thoại cho chị Q không được, nghĩa là chị Q không nghe máy, chặn cuộc gọi điện thoại từ ông nên vào ngày 10/01/2022 âm lịch ông nhìn thấy chị Q ngoài Đồn biên phòng xã 1 thì ông hỏi chị Q tại sao chặn cuộc gọi điện thoại của ông thì chị Q nói “tôi chặn thì làm gì tôi” tức giận nên ông lấy xe của ông đụng vào xe của chị Q, làm xe chị Q ngã xuống đường, rồi chị Q chửi ông nên ông có dùng tay đánh trúng vào mặt chị Q 02 cái, ông không có dùng chân đạp vào bụng, dùng tay đánh vào lưng chị Q, chỉ có dùng tay đánh vào mặt chị Q 02 cái, sau đó chị Q cởi áo luyện (chọi) lại ông, thấy vậy nên ông bỏ đi, chứ ông không lột đồ chị Q, khi bỏ đi thì chị Q chạy theo nắm áo ông lại và lấy nón bảo hiểm đánh trúng đầu và lưng của ông

khoảng 03-04 cái nhưng không gây thương tích nên ông không có đi điều trị thương tích, sau đó chị Q làm rớt cái điện thoại nên ông lụm (nhặt) bỏ vào túi quần của mình, ông đã trả lại điện thoại cho chị Q. Sự việc xảy ra Công an xã 1 đến làm việc và Công an huyện HN đã xử phạt ông 5.000.000đ, về hành vi đánh chị Q và ông đã nộp phạt xong. Nay chị Q yêu cầu ông bồi thường thiệt hại về sức khỏe tổng cộng 37.300.000đ. Tại phiên tòa ông Đ chỉ thống nhất bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Q tổng cộng 5.000.000đ.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Q, trình bày: Việc ông Đ trình bày chị có vay của ông Đ 19 lần với số vàng 52 chỉ vàng 24 kra và 4.000.000đ là không đúng, chị không có vay tiền vàng gì của ông Đ, cũng không có nhờ ông Đ vay tiền, vàng gì của người khác để cho chị vay, ông Đ cũng không cho chị vàng hay tiền. Không có lần nào chị nói với ông Đ câu “tới tháng tôi ra, tôi đóng chứ không có giựt ông” cũng không có nói câu “tới tháng tôi ra, tôi gửi tiền chú ba đóng cho ông”. Không nhớ ngày tháng năm, chỉ nhớ cách nay hơn 01 năm thì chị bán vé số ông Đ mua vé số chị thối tiền dư ông Đ không nhận và cho chị, có một lần tại nhà ông T thì ông Đ có cho chị được 500.000đ, do ông Đ thường xuyên chọc ghẹo chị, một ngày gọi điện thoại cho chị rất nhiều lần nên chị chặn cuộc gọi điện thoại từ ông Đ, không nhớ ngày tháng năm chị và ông Đ có đến nhà nghỉ 555 trên biên giới TP1 để quan hệ nam nữ, việc chị và ông Đ có quan hệ tình cảm không có ai biết. Không có lần nào tại nhà ông T, chị thừa nhận hoặc nói câu “tới tháng tôi ra đóng” hay “tới đó không gặp ông thì gửi cho chú ba”.

Ngày 26/01/2022 chị và bà thợ nấu đám cưới cho nhà chị, không biết họ tên thì bị ông Đ chặn đường và đụng xe làm chị và bà thợ nấu té xuống đường, rồi ông Đ nói, nếu chị không nghe điện thoại thì ông Đ sẽ đến nhà chị quây, đám cưới con chị khỏi làm. Vào ngày 10/2/2022 ông Đ chặn đầu xe chị, rồi dùng tay đánh trúng mặt chị 02 cái, mặt bị bầm, sưng, ông Đ còn dùng tay đánh vào lưng chị 02 cái, dùng chân đạp vào bụng chị khoảng 02-03 cái, chị bị lồi, lưng bầm, chân tay bị chày xước, bàn chân phải bị xước móng chân, nhờ người dân can ngăn nên ông Đ không đánh chị nữa. Nguyên nhân ông Đ đánh chị là do ông Đ điện thoại cho chị rất nhiều lần, sợ chồng và con trai chị biết nên chị chặn cuộc gọi điện thoại của ông Đ, việc ông Đ gọi điện cho chị là do chị và ông Đ có quan hệ tình cảm với nhau, không phải ông Đ gọi điện để đòi tiền, vàng hoặc yêu cầu chị đóng tiền lãi mà ông Đ trình bày đã cho chị vay tổng cộng 52 chỉ vàng 24kra. Ngoài ra, chị và ông Đ không còn mâu thuẫn nào khác. Sau khi bị ông Đ đánh thì chị có báo Công an xã 1 và Công an huyện HN, kết luận giám định tỷ lệ thương tật của chị do ông Đ gây ra là 10% nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN không khởi tố vụ án hình sự. Chị không có khiếu nại về việc Công an huyện không xử lý hình sự đối với hành vi ông Đ đánh

chị, chỉ yêu cầu ông Đ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị.

Việc ông Đ yêu cầu chị trả 52 chỉ vàng 24kra thì chị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đ. Chị yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị số tiền là 37.300.000đ, gồm các khoản tiền sau: Tiền thuốc và chi phí điều trị bệnh tại Bệnh viện, tổng cộng 5.000.000đ; Tiền ăn uống bồi thường, phục hồi sức khỏe trong thời gian điều trị bệnh là 60 ngày x 200.000đ = 12.000.000đ; Tiền xe đi lại từ ấp GB đến bệnh viện đa khoa khu vực HN đi về 03 lượt x 200.000đ = 600.000đ, tiền đi từ ấp GB đến Trung tâm giám định pháp y tỉnh ĐT 300.000đ, tổng cộng là 900.000đ; Tiền mất thu nhập khi nằm viện và sau khi xuất viện không lao động được là 200.000đ x 60 ngày = 12.000.000đ; Tiền công của người nuôi bệnh trong thời gian nằm viện 200.000đ x 7 ngày = 1.400.000đ; Tiền tổn thất tinh thần 02 tháng x 3.000.000đ = 6.000.000đ. Do bị ông Đ đánh nên chị phải hỏi, vay tiền của người khác để điều trị thương tích, hiện chị còn nợ 15.000.000đ, nếu ông Đ thống nhất bồi thường thiệt hại sức khỏe cho chị thì chị chỉ yêu cầu ông Đ bồi thường 11.900.000đ gồm tiền chi phí điều trị bệnh, tiền xe và tiền tổn thất tinh thần, không yêu cầu bồi thường tiền công lao động người nuôi bệnh, tiền mất thu nhập. Tại phiên tòa chị Q thống nhất việc ông Đ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị tổng cộng 5.000.000đ. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ thống nhất giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.170.000đ/01 chỉ. Chị Q không có ý kiến về giá vàng mà ông Đ đã thống nhất, cũng không đề nghị Hội đồng xét xử thành lập Hội đồng định giá để định giá vàng tại thời điểm xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022 người làm chứng ông Nguyễn Văn T, trình bày: Ông không có bà con hay mâu thuẫn gì với ông Đ, chị Q. Không nhớ ngày tháng năm, cũng không nhớ cách đây bao lâu, chỉ nhớ lúc đó tại nhà ông thì chị Q từ trên đi xuống, ghé nhà ông, một lúc sau thì ông Đ chạy đến nhà ông, ông nghe chị Q và ông Đ cự cãi nhau, ông nghe ông Đ nói “tiền lời 3.000.000 – 4.000.000đ tới tháng sao không đóng cho người ta” thì chị Q trả lời “tới tháng tôi ra đóng”, chị Q còn nói “tới đó không gặp ông thì gửi cho chú ba”, nghĩa là gửi tiền lời cho ông để ông đưa lại cho ông Đ, vì 01-02 ngày thì ông Đ đến nhà ông uống trà. Sau đó, hai bên tiếp tục cự cãi nhau nên ông đuổi chị Q, ông Đ ra chỗ khác, không được um xùm tại nhà ông. Ông chỉ trực tiếp nghe nói như vậy, ngoài ra không biết gì khác. Chị Q nói gửi tiền cho ông nhưng sau đó không có lần nào chị Q đưa tiền gì để nhờ ông chuyển lại cho ông Đ. Việc chị Q nói “tới tháng tôi ra đóng” thì ông không biết đó là đóng tiền gì, nghĩa là tiền đóng lời, lãi hay trả nợ ông Đ, chỉ nghe ông Đ nói 3.000.000đ - 4.000.000đ tiền lời sao tới tháng không đóng thì ông chỉ nghe chị Q trả

lời như vậy. Không nhớ ngày tháng năm, chỉ nhớ có lần tại nhà ông thì ông nhìn thấy ông Đ đưa tiền cho chị Q, không biết đưa bao nhiêu tiền, cũng không biết cho chị Q vay hay mượn tiền gì của ông Đ, hay ông Đ cho chị Q tiền tiêu xài cá nhân. Chuyện quan hệ tình cảm giữa ông Đ, chị Q thì ông không biết, vì đó là chuyện đời tư cá nhân. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, về việc yêu cầu chị Q trả 52 chỉ vàng 24kra (vàng 9T8). Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kim Q thống nhất thỏa thuận, ông Đ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Q là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Q trả vàng vay còn nợ và chị Q yêu cầu ông Đ bồi thường thiệt hại về sức khỏe do bị xâm phạm và chị Q hiện đang cư trú tại ấp G, xã 1, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN theo quy định tại các Điều 463, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình tiến hành tố tụng người làm chứng ông Nguyễn Văn T đã chết nhưng trước đó ông T đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kim Q thống nhất thỏa thuận, ông Đ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Q số tiền 5.000.000đ. Xét, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Q trả 52 chỉ vàng 24kra (vàng 9T8). Bị đơn chị Nguyễn Thị

Kim Q không thừa nhận có mượn hay vay vàng của ông Đ và ông Đ cũng không có chứng cứ chứng minh đã cho chị Q vay 52 chỉ vàng 24kra. Ông Đ cho rằng ngày 13/11/2021 tại nhà ông T, thì có mặt ông, chị Q, ông T thì ông Đ hỏi chị Q “tiền lời người ta sao” thì chị Q trả lời với ông “tới tháng tôi ra, tôi gửi tiền chú ba đóng cho ông”. Nghĩa là gửi tiền lãi cho ông T để đóng lãi cho ông, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2022 người làm chứng ông Nguyễn Văn T, trình bày “Việc chị Q nói tới tháng tôi ra đóng thì ông không biết đó là đóng tiền gì, nghĩa là tiền đóng lời, lãi hay trả nợ cho ông Đ, chỉ nghe ông Đ nói 3.000.000đ - 4.000.000đ tiền lời sao tới tháng không đóng thì ông chỉ nghe chị Q trả lời như vậy. Không nhớ ngày tháng năm, chỉ nhớ có lần tại nhà ông thì ông nhìn thấy ông Đ đưa tiền cho chị Q, không biết đưa bao nhiêu tiền, cũng không biết cho chị Q vay hay mượn tiền gì của ông Đ, hay ông Đ cho chị Q tiền tiêu xài cá nhân”. Như vậy, việc ông T trình bày có nghe chị Q nói “tới tháng tôi ra đóng” không có nghĩa là thừa nhận nợ ông Đ 52 chỉ vàng 24kra. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ chịu 13.442.000đ (52 chỉ vàng x giá vàng 5.170.000đ/1 chỉ x 5% = 13.442.000đ) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, chịu 250.000đ (5.000.000đ x 5% = 250.000đ) đối với yêu cầu của chị Q được chấp nhận, tổng cộng 13.692.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.150.000đ theo biên lai thu số 0003872 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, ông Đ còn phải chịu 6.542.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 4 Điều 91, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3, 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban



thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Q trả 52 (năm mươi hai) chỉ vàng 24kra.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Nguyễn Văn Đ thống nhất bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Nguyễn Thị Kim Q số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ chịu 13.692.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.150.000đ theo biên lai thu số 0003872 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN, ông Đ còn phải chịu 6.542.000đ (Sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2022).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Thùy Dung**